



CATALOGUE

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT GLOBAL

 Tầng 2, Tòa nhà ITD - Đường Sáng Tạo 01,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM, Việt Nam

 <https://toancau.vn/>

 info@toancau.vn



THIẾT BỊ CẮT SÉT GLOBAL

THIẾT BỊ CẮT SÉT

► GLOBAL PLP40

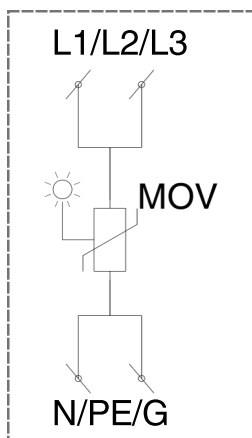


Đặc điểm

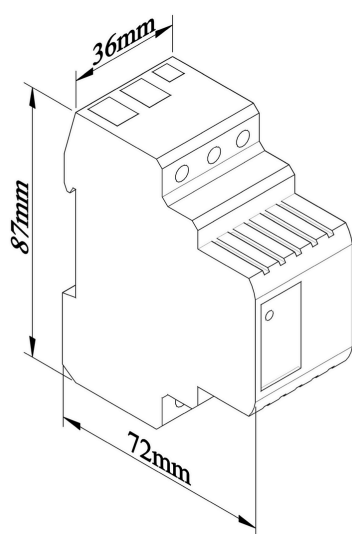
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Cấu tạo dạng module, có thể thay thế dễ dàng khi cần thiết

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha hoặc 3 pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray DIN 35 mm phù hợp trong các tủ phân phối



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ (đơn chế độ)	L-N/ L-G/ N-G
Công nghệ	MOV (Metal Oxide Varistor)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (Ut/chế độ) (Vac)	442
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	40
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	4
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 25
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Nhựa, IP20
Lắp đặt	Thanh DIN ray
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	36 x 87 x 72
Đấu nối (mm ²)	25
Hỗ trợ đấu nối "T"	Có
Trọng lượng (kg)	0,14
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I

THIẾT BỊ CẮT SÉT

► GLOBAL PLP60

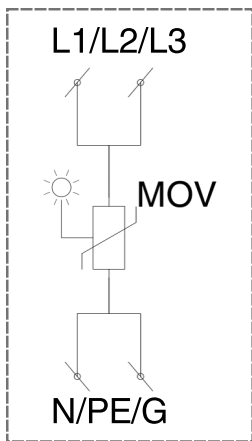


Đặc điểm

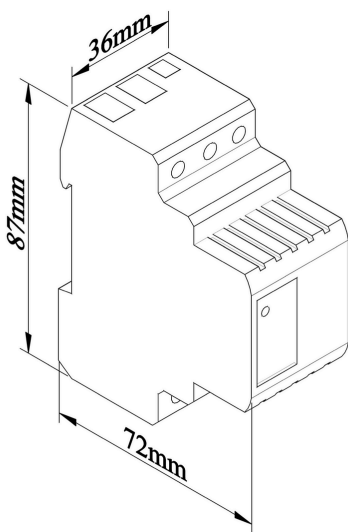
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Cấu tạo dạng module, có thể thay thế dễ dàng khi cần thiết

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha hoặc 3 pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray DIN 35 mm phù hợp trong các tủ phân phối



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ (đơn chế độ)	L-N/ L-G/ N-G
Công nghệ	MOV (Metal Oxide Varistor)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (Ut/chế độ) (Vac)	442
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	60
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	6
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 25
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Nhựa, IP20
Lắp đặt	Thanh DIN ray
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	36 x 87 x 72
Đầu nối (mm ²)	25
Hỗ trợ đầu nối "T"	Có
Trọng lượng (kg)	0,14
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I



THIẾT BỊ CẮT SÉT

► GLOBAL PLP80

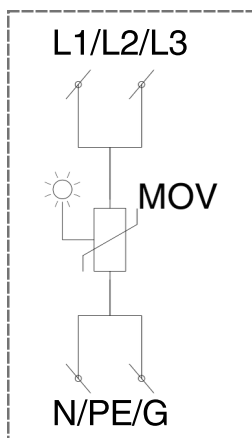


Đặc điểm

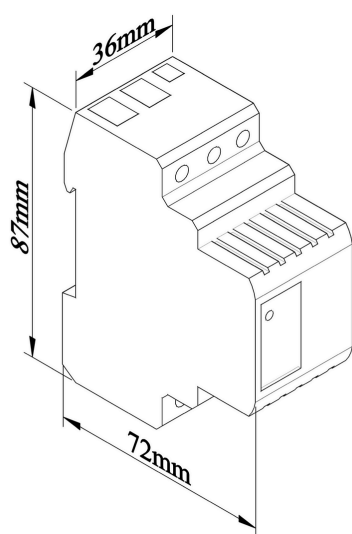
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Cấu tạo dạng module, có thể thay thế dễ dàng khi cần thiết

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha hoặc 3 pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray DIN 35 mm phù hợp trong các tủ phân phối



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ (đơn chế độ)	L-N/ L-G/ N-G
Công nghệ	MOV (Metal Oxide Varistor)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (Ut/chế độ) (Vac)	442
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	80
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	8
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 25
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Nhựa, IP20
Lắp đặt	Thanh DIN ray
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	36 x 87 x 72
Đầu nối (mm ²)	25
Hỗ trợ đầu nối "T"	Có
Trọng lượng (kg)	0,14
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I



THIẾT BỊ CẮT SÉT

► GLOBAL PLP100

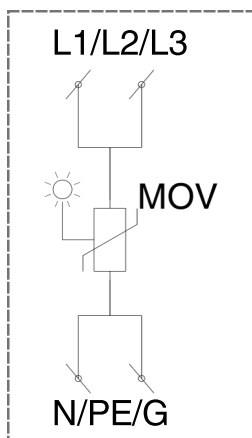


Đặc điểm

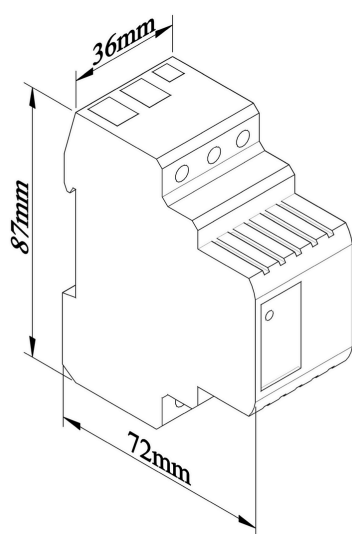
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Đèn LED báo tình trạng làm việc của thiết bị
- Cấu tạo dạng module, có thể thay thế dễ dàng khi cần thiết

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha hoặc 3 pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray DIN 35 mm phù hợp trong các tủ phân phối



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ (đơn chế độ)	L-N/ L-G/ N-G
Công nghệ	MOV (Metal Oxide Varistor)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	220 ÷ 240
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (U_t /chế độ) (Vac)	442
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	100
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	10
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 25
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Nhựa, IP20
Lắp đặt	Thanh DIN ray
Chỉ thị trạng thái	LED
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	36 x 87 x 72
Đấu nối (mm ²)	25
Hỗ trợ đấu nối "T"	Có
Trọng lượng (kg)	0,14
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I

THIẾT BỊ CẮT SÉT

► GLOBAL PLP150NG

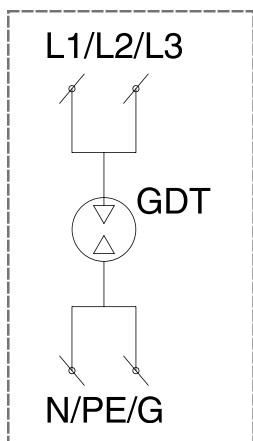


Đặc điểm

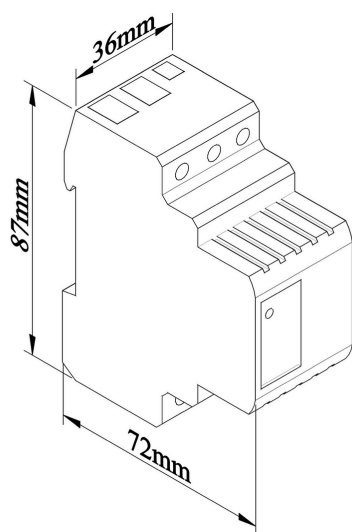
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Cấu tạo dạng module, có thể thay thế dễ dàng khi cần thiết

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha hoặc 3 pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray DIN 35 mm phù hợp trong các tủ phân phối



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ (đơn chế độ)	N-G
Công nghệ	GDT (Gas Discharge Tubes)
Điện áp làm việc danh định, U_n (L-N) (Vac)	-
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, U_c (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (U_t /chế độ) (Vac)	1200
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μ s), I_n (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μ s), I_{max} (kA)	150
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μ s), I_{imp} (kA)	50
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 100
Điện áp bảo vệ, U_p (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Nhựa, IP20
Lắp đặt	Thanh DIN ray
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	36 x 87 x 72
Đầu nối (mm ²)	25
Hỗ trợ đầu nối "T"	Có
Trọng lượng (kg)	0,18
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I

THIẾT BỊ CẮT SÉT

► GLOBAL PLP300NG

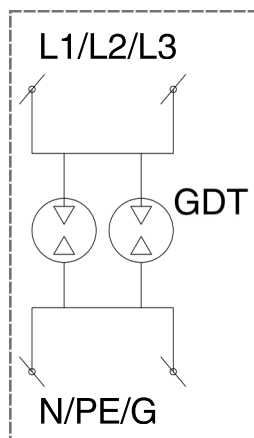


Đặc điểm

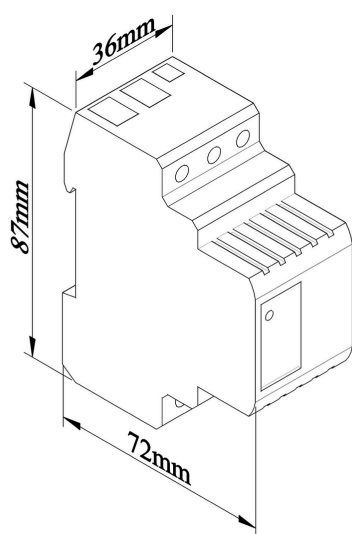
- Điện áp dư thấp
- Khả năng cắt xung sét cao
- Lắp song song với mạch cần bảo vệ
- Cấu tạo dạng module, có thể thay thế dễ dàng khi cần thiết

Ứng dụng

- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Không phụ thuộc dòng tải
- Bảo vệ cho mạng điện đơn pha hoặc 3 pha
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn gắn trên thanh ray DIN 35 mm phù hợp trong các tủ phân phối



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ (đơn chế độ)	N-G
Công nghệ	GDT (Gas Discharge Tubes)
Điện áp làm việc danh định, Un (L-N) (Vac)	-
Điện áp làm việc liên tục lớn nhất, Uc (Vac)	275
Quá áp tạm thời trong 120 phút, (Ut/chế độ) (Vac)	1200
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μs), In (kA)	20
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μs), Imax (kA)	300
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μs), Iimp (kA)	100
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 100
Điện áp bảo vệ, Up (V)	1500
Độ ẩm (%)	5 ÷ 90
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 65
Vỏ hộp	Nhựa, IP20
Lắp đặt	Thanh DIN ray
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	36 x 87 x 72
Đầu nối (mm ²)	25
Hỗ trợ đầu nối "T"	Có
Trọng lượng (kg)	0,18
Đáp ứng tiêu chuẩn	EN 61643-11 Type 1, Type 2; IEC 61643-11 Class I, Class I